

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2020/DS-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 202, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ hội sở: Số 02 L, phường C, quận B, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Tỉnh lộ A, khu phố D, thị trấn C, huyện C, Thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, sinh năm: 1959. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn A, sinh năm: 1978. Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N Chi nhánh C (Có mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 1161/GUQ-NHNo.CC-TH ngày 18/9/2019 của Ngân hàng N - Chi nhánh C.

2. Bị đơn: Ông Trần Chí L, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 06 N, tổ P, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 24/9/2019, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N) - có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tấn A trình bày:*

Ngày 23/8/2017, Ngân hàng N ký Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 với ông Trần Chí L. Theo hợp đồng, Ngân hàng N cho ông L vay số tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay mua xe máy hàng tiêu dùng, lãi suất 10,50%/năm, lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo mức lãi suất do Ngân hàng N thông báo theo từng thời điểm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

Biện pháp bảo đảm: Ông L vay vốn phục vụ việc mua xe máy hàng tiêu dùng, thuộc đối tượng cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Trong quá trình vay, ông L đã trả được một phần nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, từ ngày 30/8/2018 cho đến nay, ông L không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng N. Ông L nghỉ việc tại cơ quan, Ngân hàng không liên lạc được. Ngân hàng đã kết hợp với đơn vị công tác của ông L là Đội quản lý bến xe C để xử lý nợ vay, cụ thể là Ngân hàng đã ban hành Thông báo nợ đến hạn ngày 25/8/2018, Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 04/9/2018, Công văn của đội quản lý bến xe C ngày 19/9/2018 về việc bàn biện pháp thu hồi nợ vay của ông L, Công văn của Ngân hàng về việc đề nghị hỗ trợ thu hồi nợ, Công văn của đội quản lý bến xe C ngày 15/01/2019 về việc thu hồi nợ vay của ông L. Được sự hỗ trợ của đội quản lý bến xe C, Ngân hàng đã thu hồi được một phần nợ. Tính đến ngày 30/6/2020, số tiền ông L còn nợ Ngân hàng N tổng cộng là 18.050.048đ (Mười tám triệu không trăm năm mươi ngàn không trăm bốn mươi tám đồng), cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 14.861.973đ;
- Tiền lãi trong hạn: 2.284.409đ;
- Tiền lãi quá hạn: 903.666đ.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N, Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L phải thanh toán số tiền gốc và lãi tổng cộng như đã nêu trên cho Ngân hàng N. Ngoài ra từ ngày 01/7/2020, ông L còn phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông L để thu hồi nợ theo quy định.

** Bị đơn là ông Trần Chí L vắng mặt.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án

ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 24/9/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng N đề nghị Tòa án buộc ông Trần Chí L thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017 đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông L có nơi cư trú cuối cùng tại số 06 N, tổ P, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi không thể tổng đạt được được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên phải niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên, kết quả niêm yết của Văn phòng Thừa phát lại Hóc Môn và xác minh của Ban Chỉ huy Công an thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi thể hiện sổ hộ khẩu số 31130003XXX do bà Trần Thị N đứng tên chủ hộ thể hiện ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 06 N, tổ P, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã không còn cư trú tại đây, đi đâu không rõ. Hội đồng xét xử xét tại đơn khởi kiện nộp ngày 24/9/2019, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017 và sổ hộ khẩu, như vậy nguyên đơn được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 5 và Điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số

04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng N yêu cầu ông Trần Chí L thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/6/2020 là 18.050.048đ (Mười tám triệu không trăm năm mươi ngàn không trăm bốn mươi tám đồng).

Hội đồng xét xử xét trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017, ông L chỉ thanh toán được cho Ngân hàng N một phần tiền vay thông qua cơ quan quản lý lao động của ông L là đội bến xe huyện C, theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng N cung cấp, Ngân hàng N đã nhiều lần thông báo, làm việc với cơ quan ông L làm việc. Việc ông L không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của khách hàng quy định tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nêu trên và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*, do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017 của Ngân hàng N là có cơ sở để chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng N trong trường hợp ông L không thực hiện đúng cam kết, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng là có cơ sở để xem xét, phù hợp với quy định tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị này.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Chí L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải thanh toán cho Ngân hàng N theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng N.
Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng N.

Buộc ông Trần Chí L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017 tính đến ngày 30/6/2020 là 18.050.048đ (Mười tám triệu không trăm năm mươi ngàn không trăm bốn mươi tám đồng).

2. Ông Trần Chí L phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N trên số nợ gốc thực nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 6120-LAV-201703375 ngày 23/8/2017.

3. Nếu ông Trần Chí L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông L để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Chí L phải chịu án phí là 902.502đ (Chín trăm lẻ hai ngàn năm trăm lẻ hai đồng);

- Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 397.300đ (Ba trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0013818 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**